

Thứ ba, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên đảo chiều ngoạn mục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/07/2020		•	
Tuần 27/7-31/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Việc Việt Nam không có ca nhiễm mới nào trong ngày hôm nay đã củng cố lại tâm lý nhà đầu tư sau hai phiên bán tháo trên thị trường. Dòng tiền đầu tư chảy mạnh vào thị trường khi có đến 18/19 nhóm ngành đều tăng điểm trong phiên. Bên cạnh đó, khối ngoại duy trì hoạt động mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX, góp phần ủng hộ đà tăng điểm trong phiên. Thanh khoản thị trường suy giảm so với phiên trước, độ rộng thị trường tích cực và biên độ thị trường không đang cho thấy xu hướng giao dịch phần khởi đang trở lại thị trường. Sau hai phiên phản ứng mạnh mẽ với ca bệnh COVID-19 mới, thị trường đang trở về vùng hỗ trợ 800-810 điểm khi hiệu ứng tiêu cực thông tin dần suy giảm. Diễn biến tiếp theo tình hình dịch bệnh COVID-19 sẽ quyết định xu hướng vận động của VN-Index. Nếu không có ca bệnh mới thị trường có thể trở về vùng 830-840 điểm, nếu có thêm nhiều ca bệnh mới thị trường nhiều khả năng sẽ điều chỉnh về vùng 780 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 715 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/7/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_5.9%**

Phân tích kỹ thuật: SZC_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+28.19** điểm, đóng cửa **813.36** điểm. HNX-Index **+5.13** điểm, đóng cửa **107.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+4.60)**; **VNM (+3.23)**; **BID(+2.64)**; **GAS (+2.07)**; **VCB(+1.59)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-0.22)**; **PGD (-0.05)**; **SGR (-0.02)**; **DTL(-0.01)**; **SC5(-0.01)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,518** tỷ đồng, giảm **-24.6%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **27.73** điểm, gần như không đổi so với phiên liền trước. Thị trường có **360** mã tăng, **27** mã tham chiếu và **49** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **216.55** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (+46.9 tỷ)**, **HPG (+24.2 tỷ)** và **VNM(+20.3 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+3.88** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **813.36**Giá trị: 4518.98 tỷ **28.19 (3.59%)**

Khối ngoại (ròng): 216.55 tỷ

HNX-INDEX **107.98**Giá trị: 623.32 tỷ **5.13 (4.99%)**

Khối ngoại (ròng): 3.88 tỷ

UPCOM-INDEX **55.27**Giá trị: 0.45 tỷ **1.62 (3.02%)**

Khối ngoại(ròng): 7.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.5	-0.34%
Giá vàng	1,934	-0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,180	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,310	0.63%
Tỷ giá JPY/VND	22,008	0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	77.78%
LS TPCP 5 năm	1.9%	1.47%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	46.9	VJC	12.6
HPG	24.2	VRE	11.8
VNM	20.3	HSG	6.7
POW	19.4	NLG	5.3
MBB	15.1	MSN	5.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_5.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	20/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	5.9%	-2.8%	-5.7%	-5.7%	-5.7%	-27.9%	25.8%
Đầu tư công	5.3%	-1.3%	0.2%	0.2%	0.2%	-5.5%	20.7%
Vật liệu Xây dựng	5.3%	-0.3%	0.1%	0.1%	0.1%	-1.9%	21.1%
Hàng tiêu dùng	5.1%	-1.1%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	-5.7%	20.6%
Stay-at-home	5.0%	-0.3%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	4.5%	18.3%
Corona Avengers	4.9%	-1.8%	-1.9%	-1.9%	-1.9%	-6.5%	22.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	4.9%	-1.3%	-1.8%	-1.8%	-1.8%	-7.6%	23.0%
Lãi suất giảm	4.8%	-1.1%	0.7%	0.7%	0.7%	-2.4%	20.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	4.8%	-1.6%	4.4%	4.4%	4.4%	5.1%	26.5%
Chiến tranh thương mại	4.6%	-0.2%	1.0%	1.0%	1.0%	-11.3%	19.1%
Ngân Hàng	4.6%	-2.3%	-0.1%	-0.1%	-0.1%	-8.8%	23.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	4.1%	-1.8%	-0.9%	-0.9%	-0.9%	-15.4%	19.9%
VN Diamond	4.1%	-2.3%	-2.0%	-2.0%	-2.0%	-18.4%	20.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	4.0%	-2.0%	-2.0%	-2.0%	-2.0%	-17.4%	21.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	4.0%	-2.8%	-1.7%	-1.7%	-1.7%	-12.6%	21.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	3.9%	-1.3%	-0.6%	-0.6%	-0.6%	-12.9%	18.5%
VN FinSelect	3.9%	-2.6%	-2.0%	-2.0%	-2.0%	-12.1%	20.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	3.8%	-1.6%	-0.8%	-0.8%	-0.8%	-13.3%	16.3%
Ngành Dược	3.7%	0.3%	4.8%	4.8%	4.8%	-4.0%	18.5%
FTSE Việt Nam	3.7%	-1.4%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-11.6%	17.2%
Nước & Năng lượng	3.5%	-1.6%	2.6%	2.6%	2.6%	-8.2%	17.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	3.3%	-2.9%	-1.4%	-1.4%	-1.4%	-19.0%	17.1%
BĐS & Khu công nghiệp	3.0%	-0.6%	2.3%	2.3%	2.3%	-7.4%	17.8%
Xây dựng	2.8%	-3.2%	1.3%	1.3%	1.3%	-6.3%	20.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.2%	-1.7%	-0.7%	-0.7%	-0.7%	3.7%	15.7%
Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	4.9%	-2.0%	-0.8%	-0.8%	-0.8%	-11.9%	21.8%
S32	4.4%	-2.6%	-3.8%	-3.8%	-3.8%	-21.5%	23.0%
L22	4.1%	-2.4%	-3.6%	-3.6%	-3.6%	-13.4%	20.6%
L32	3.8%	-2.5%	0.4%	0.4%	0.4%	-11.3%	21.6%
S21	3.5%	-2.5%	-3.7%	-3.7%	-3.7%	-15.3%	20.3%
L11	3.4%	-1.8%	-0.8%	-0.8%	-0.8%	-10.8%	18.0%
M22	3.4%	-1.9%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-6.6%	19.2%
S11	3.4%	-1.5%	-1.1%	-1.1%	-1.1%	-3.0%	18.9%
M12	3.4%	-2.3%	-2.5%	-2.5%	-2.5%	-12.1%	
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	4.4%	-0.9%	-0.2%	-0.2%	-0.2%	0.1%	17.8%
HIGH3	3.9%	-2.1%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-5.7%	19.8%
LOW1	3.6%	-1.7%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-9.2%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	3.6%	-1.9%	-1.4%	-1.4%	-1.4%	-15.4%	17.2%
VN30INDEX	3.6%	-2.1%	-1.9%	-1.9%	-1.9%	-14.0%	17.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	20	5	17	8	17	8
Mục tiêu	9	4	5	2	7	5	4
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.71	0.26%	-0.50%	7.20%	-24.08%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.64	0.53%	-1.50%	6.60%	-23.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	128.15	0.53%	0.10%	7.00%	-26.44%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1971.08	1.48%	7.00%	11.30%	31.67%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	25.98	5.68%	22.00%	45.90%	53.03%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	888.25	-1.28%	-0.50%	2.30%	-6.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	525.00	-0.52%	-0.50%	7.50%	-1.13%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.41	0.00%	0.40%	13.20%	42.75%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.29	1.37%	4.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.12	5.48%	3.40%	2.40%	-10.22%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.40	1.85%	10.70%	12.90%	-2.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6420.50	0.09%	-1.00%	9.00%	6.69%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	536.35	0.01%	0.30%	5.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1708.00	0.47%	2.60%	8.80%	-5.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.21	0.74%	-0.80%	9.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.35	-1.41%	-2.90%	-1.90%	-33.61%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 7%, đạt 43.41 USD/thùng, và dầu thô Tây Texas WTI tăng 31 cent lên 41.60 USD/thùng. Đồng USD yếu làm hàng hóa tính bằng USD rẻ hơn cho những người nắm giữ các loại tiền tệ khác, cũng giúp thúc đẩy giá dầu. Chỉ số USD rơi xuống mức thấp nhất kể từ tháng 6/2018 do những lo ngại về kinh tế trong nước và quan hệ Mỹ-Trung đang xấu đi.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay tăng 1.8% lên 1,934.62 USD/ounce, trong phiên có lúc đạt mức cao kỷ lục 1,945.16 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 cũng tăng 1.8% lên 1,931 USD. Giá vàng tăng lên mức cao kỷ lục trong phiên đầu tuần, do các nhà đầu tư tìm kiếm nơi trú ẩn an toàn do một nền kinh tế vốn bị ảnh hưởng bởi đại dịch lại tiếp tục bị căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc.

• Chỉ số USD xuống thấp nhất trong 2 năm do căng thẳng Mỹ - Trung Quốc và lo ngại về kinh tế Mỹ khi số ca nhiễm virus Covid-19 không có dấu hiệu chậm lại tại nền kinh tế lớn nhất thế giới này.

• Vàng được coi như một phòng hộ chống lại lạm phát và sự mất giá của tiền tệ, các nhà phân tích cũng chỉ ra dòng tiền lớn đổ vào các quỹ tín thác vàng là một động lực hỗ trợ sự tăng giá.

Giá sắt thép

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên giảm 2% xuống 815 CNY (116.48 USD)/tấn.

• Giá thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 1.2% xuống 3,723 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng sử dụng trong lĩnh vực sản xuất giảm 1.1% xuống 3,747 CNY/tấn.

• Nguồn cung từ 4 công ty khai mỏ hàng đầu vẫn trong dự đoán. Dựa theo số liệu nhập khẩu, lượng quặng sắt cập cảng trong giai đoạn tới sẽ giảm nhưng vẫn ở mức cao. Nguồn cung quặng sắt đang phục hồi và sự hỗ trợ về giá sẽ suy yếu.

• Tồn kho quặng sắt đã nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc tăng tuần thứ 6 liên tiếp lên 115.05 triệu tấn, tính tới ngày 26/7, mức cao nhất trong gần 3 tháng, theo số liệu từ công ty tư vấn SteelHome.

Giá cao su

• Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 giảm 1.4 JPY hay 0.9% xuống 158.2 JPY/kg. Giá cao su giảm gần 1% do lo ngại về ảnh hưởng của làn sóng lây nhiễm Covid-19 thứ 2 tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu và nhu cầu của các hàng hóa. Chính phủ Nhật Bản cho biết họ sẽ khuyến khích các công ty hướng tới 70% làm việc từ xa và tăng cường các biện pháp giãn cách xã hội trong bối cảnh số ca nhiễm trong công nhân tăng lên.

Giá nông sản

• Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 trên sàn London tăng 2 US cent hay 1.8% lên 1.104 USD/lb bởi đồng real của Brazil mạnh lên, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn ICE tăng 12 USD hay 0.9% lên 1,346 USD/tấn.

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.63 US cent hay 5.5% lên 12.12 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 14.9 USD hay 4.3% lên 365.2 USD/tấn. Nhập khẩu đường của Trung Quốc trong tháng 6 cao hơn nhiều so với cùng tháng năm trước.

	28/7	% 28/7	27/7	% 27/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	813.36	3.59%	785.17	-5.31%	-5.61%	-4.53%
S&P 500			3,239.41	0.74%	-0.38%	6.20%
S&P500 Futures	3,231.25	-0.03%	3,232.25	0.88%	-0.62%	5.23%
Shang- hai	3,227.96	0.71%	3,205.23	0.26%	-2.80%	8.34%
Euro Stoxx	3,308.84	0.18%	3,302.84	-0.24%	-2.83%	3.27%

Phân tích kỹ thuật

SZC_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SZC thời gian qua đã tiếp tục trạng thái tăng giá trung hạn sau khi có sự điều chỉnh trong tháng 6. Thanh khoản cổ phiếu tiếp tục duy trì ở mức cao đã giúp SZC đóng cửa ở mức trần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo động lượng RSI đã tăng trở lại và còn cách khá xa vùng quá mua nên động lực tăng có thể được duy trì trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của SZC nằm tại mốc 22.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 25.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 21 bị xuyên



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo kết quả kinh doanh cho 2020, doanh thu đạt 345 tỷ đồng (+5% yoy) và lợi nhuận sau thuế đạt 124 tỷ đồng (-8% yoy), tương đương EPS = 1,235 VND (đã trừ khen thưởng, phúc lợi), P/E fwd = 12.9x (cao hơn trung bình ngành 7.5x). Dự báo của chúng tôi dựa trên (1) khu công nghiệp cho thuê 18ha (-10% yoy) do ảnh hưởng của dịch Covid làm chậm lại tiến độ cho thuê đất trong năm 2020, giá cho thuê 55 USD/m2/thời hạn thuê, biên lợi nhuận gộp khoảng 56% (tương đương 2019). (2) Doanh thu từ BOT khoảng 64.5 tỷ đồng (-3% yoy), ảnh hưởng Covid khiến lưu lượng xe di chuyển có thể sụt giảm nhẹ, biên lợi nhuận ở mức 53% (tương đương năm 2019).

Luận điểm đầu tư

SZC có quỹ đất thương phẩm rộng lớn hơn hơn 795 ha sẵn sàng phục vụ khách thuê, đóng góp tăng trưởng lớn cho doanh nghiệp. Triển vọng ngành khả quan trong dài hạn nhờ vào: Làn sóng dịch chuyển công xưởng khỏi Trung Quốc, hiệp định kinh tế EVFTA thu hút FDI, đầu tư công cải thiện cơ sở hạ tầng.

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng (gấp 2.5 lần cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch lợi nhuận sau thuế, biên lợi nhuận gộp ổn định duy trì ở mức 53%. Cơ cấu doanh thu của SZC chủ yếu đến từ kinh doanh Khu công nghiệp (75-85%) và kinh doanh thu phí đường bộ (15-25%).

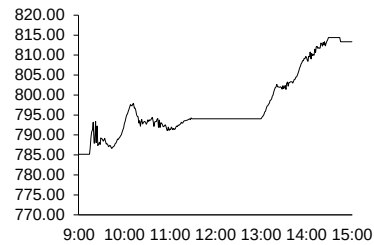
Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **SZC 2020Q2**

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

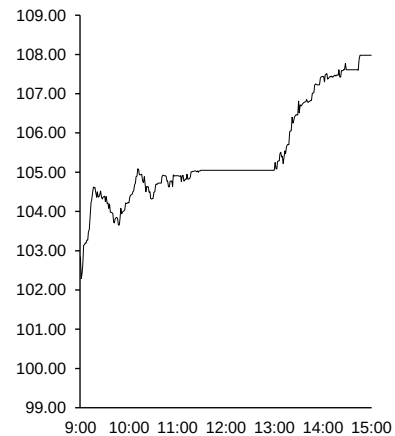
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-5.88%
Du lịch và Giải trí	0.01%
Y tế	2.04%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.55%
Bất động sản	2.84%
Bán lẻ	3.00%
Bảo hiểm	3.15%
Dầu khí	3.40%
Ô tô và phụ tùng	3.46%
Truyền thông	3.57%
Hóa chất	3.75%
Xây dựng và Vật liệu	3.86%
Ngân hàng	3.97%
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.10%
Công nghệ Thông tin	4.23%
Dịch vụ tài chính	4.48%
Thực phẩm và đồ uống	4.60%
Tài nguyên Cơ bản	4.75%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.78%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	19.2	1	1.59%	Có thể tiếp tục mua
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	10.3	7	0.98%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.4	27	-3.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	10.7	29	-5.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	37.6	32	-5.05%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	31	39	27.5	30.3	34	-2.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	26.8	32	24	27.35	40	2.05%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.8	42	1.20%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	35.4	53	-4.84%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

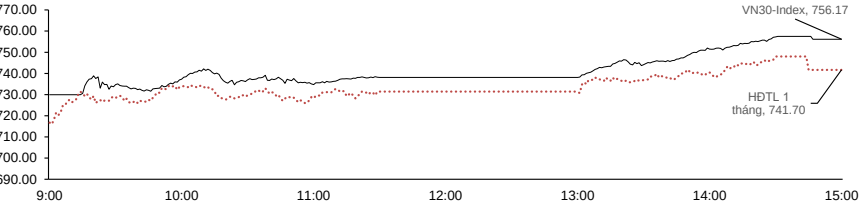
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
6/25/2020	VRG	14.7	16.8	12.5	TP	7	14.29%
6/23/2020	FCN	10.8	14	9.5	SL	34	-12.04%
6/22/2020	PDR	24.8	29	23	SL	9	-7.26%
Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	5	1.46%	-4.20%	-1.69%	29
Cổ phiếu đã chốt	7	21	12.93%	-8.17%	-2.90%	14

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	741.70	4.23%	-14.47	26.2%	322,020	8/20/2020	25
VN30F2009	740.00	4.14%	-16.17	-8.4%	959	9/17/2020	53
VN30F2012	733.30	3.59%	-22.87	-32.7%	101	12/17/2020	144
VN30F2103	742.80	-1.99%	-13.37	8.9%	110	3/18/2021	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 26.24 điểm, lên mức 756.17 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, VHM, VPB, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực lên vùng 735-740 điểm. Sang phiên chiều, VN30 mở rộng biên độ tăng lên trên 755 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tích lũy quanh vùng 760-770 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F008, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2008, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 715 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2006	10/29/2020	93	2:1	190,020	36.24%	1,100	770	40.00%	594	1.30	18,700	16,500	16,300
CHPG2008	11/30/2020	125	1:1	103,900	37.76%	4,100	2,840	38.54%	2,317	1.23	32,100	28,000	27,350
CVNM2003	9/4/2020	38	10:1	531,630	33.33%	1,450	1,900	32.87%	1,668	1.14	107,280	92,780	109,900
CVHM2003	10/29/2020	93	10:1	415,430	38.41%	1,000	1,130	28.41%	953	1.19	80,000	70,000	75,800
CDPM2002	12/16/2020	141	1:1	88,120	41.92%	1,700	1,860	28.28%	1,109	1.68	16,952	15,252	14,100
CTCB2004	8/18/2020	21	2:1	346,790	38.33%	1,050	1,050	28.05%	955	1.10	19,100	17,000	18,750
CVPB2007	10/29/2020	93	2:1	385,910	46.69%	1,700	700	27.27%	670	1.04	25,900	22,500	20,700
CFPT2003	11/9/2020	104	1:1	52,970	33.27%	7,300	7,550	25.83%	1,853	4.07	57,300	50,000	45,700
CHPG2011	10/20/2020	84	2:1	378,000	37.76%	2,350	2,100	23.53%	1,670	1.26	29,900	25,200	27,350
CSTB2004	11/30/2020	125	1:1	331,740	42.96%	1,400	1,020	22.89%	938	1.09	12,400	11,000	10,550
CSTB2002	12/16/2020	141	1:1	123,100	42.96%	1,700	1,110	21.98%	702	1.58	13,588	11,888	10,550
CVRE2005	11/30/2020	125	1:1	58,460	44.56%	4,000	2,770	16.39%	2,669	1.04	32,000	28,000	27,200
CHPG2005	10/1/2020	65	3:1	42,230	37.76%	2,100	8,320	16.36%	8,522	0.98	21,100	19,000	27,350
CSTB2003	9/16/2020	50	1:1	114,910	42.96%	1,360	1,130	13.00%	467	2.42	12,471	11,111	10,550
CHDB2006	10/8/2020	72	2:1	199,360	41.19%	2,180	1,150	12.75%	771	1.49	29,060	24,700	24,000
CREE2004	10/23/2020	87	4.27:1	177,530	28.63%	1,570	1,680	12.00%	1,238	1.36	34,210	29,500	32,300
CNVL2001	12/16/2020	141	4:1	112,900	17.82%	2,300	2,200	11.68%	580	3.79	75,088	65,888	63,600
CMWG2009	10/23/2020	87	8:1	448,190	40.92%	1,600	720	9.09%	504	1.43	94,800	82,000	76,000
CHPG2002	12/16/2020	141	2:1	111,070	37.76%	1,700	1,600	7.38%	866	1.85	33,399	29,999	27,350
CVNM2004	11/30/2020	125	1:1	15,070	33.33%	17,500	8,490	3.28%	6,024	1.41	133,973	116,473	109,900
Tổng				4,212,260	37.96%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/7/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- Về giá, CVPB2005 và CFPT2004 giảm mạnh lần lượt là -54.92% và -48.74%. Giá trị giao dịch giảm -20.68%. CHPG2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.61% thị trường.
- CVRE2005, CVPB2006, CVRE2006, CHPG2005, và CVPB2005 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	76.0	3.1%	1.2	1,496	4.2	8,808	8.6	2.6	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	54.0	3.6%	1.3	529	1.8	4,629	11.7	2.6	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	41.9	3.3%	1.3	1,352	1.3	1,307	32.1	1.6	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.2	1.3%	0.4	293	0.0	2,654	11.4	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	85.2	0.2%	0.8	12,530	2.0	2,095	40.7	3.6	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.2	1.5%	1.1	2,687	5.2	1,226	22.2	2.3	30.9%	10.3%
VHM	Bất động sản	75.8	6.9%	1.3	10,841	8.2	6,784	11.2	3.6	20.1%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.1	4.0%	1.3	206	1.5	1,672	5.5	0.7	39.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.2	6.8%	1.3	371	4.0	1,415	10.0	0.8	49.0%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.0	5.0%	1.0	150	0.6	4,240	5.0	0.9	28.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.2	6.9%	1.7	227	1.9	1,608	10.7	1.2	51.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	45.7	4.6%	0.8	1,558	3.8	4,804	9.5	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.5	0.0%	0.4	503	0.1	4,812	9.7	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	67.8	5.9%	1.5	5,642	1.9	5,138	13.2	2.5	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	43.6	3.2%	1.5	2,286	1.0	918	47.5	2.8	14.6%	5.2%
PVS	Dầu khí	11.3	4.6%	1.5	235	2.0	1,238	9.1	0.4	11.4%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.2	8.8%	0.8	836	0.8	898	6.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	1.1%	0.5	523	0.0	5,044	18.2	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.1	6.0%	0.4	240	1.5	1,586	8.9	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.3	6.3%	0.5	191	0.6	415	20.0	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	78.5	1.9%	1.1	12,659	3.1	4,915	16.0	3.3	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	37.9	6.5%	1.4	6,619	1.9	2,140	17.7	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.7	4.8%	1.2	3,513	4.0	2,995	7.2	1.0	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	20.7	4.8%	1.2	2,194	4.2	4,126	5.0	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	16.3	6.2%	1.0	1,709	4.5	3,398	4.8	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.9	5.0%	1.0	1,656	2.5	3,750	6.1	1.2	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	50.2	6.8%	0.9	179	0.5	5,760	8.7	1.6	81.7%	18.9%
NTP	Nhựa	27.9	8.6%	0.4	143	0.0	3,348	8.3	1.3	22.7%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.0%	0.4	641	0.0	356	41.9	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.4	5.4%	1.1	3,283	16.5	3,158	8.7	1.4	35.7%	18.1%
HSG	Thép	10.4	7.0%	1.5	201	6.6	1,767	5.9	0.8	10.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	109.9	6.3%	0.8	8,321	6.5	5,453	20.2	6.4	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	180.0	4.0%	0.8	5,019	1.8	6,719	26.8	6.7	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	50.5	2.0%	1.0	2,567	2.9	3,961	12.7	1.4	38.7%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.0	3.3%	0.8	357	2.2	171	82.0	1.1	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	53.5	3.7%	0.8	5,064	0.4	3,450	15.5	3.2	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	96.5	-1.4%	1.1	2,198	1.4	7,110	13.6	3.4	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	23.0	1.5%	1.7	1,418	1.3	1,654	13.9	1.8	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.4	5.8%	0.9	237	0.2	1,583	11.6	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	9.6	6.9%	1.1	117	0.5	2,117	4.5	0.6	22.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.4	10.0%	1.0	394	0.6	8,219	7.1	2.7	2.8%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	3.7%	0.7	378	0.5	1,453	13.3	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.0	5.7%	1.0	216	0.1	1,937	6.7	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	71.0	3.6%	1.0	236	2.1	8,467	8.4	0.6	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	17.2	0.6%	0.3	179	0.7	1,775	9.7	0.8	36.8%	8.5%
REE	Điện	32.3	1.9%	-1.4	435	0.8	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
PC1	Điện	17.4	4.8%	-0.4	121	0.3	2,268	7.7	0.8	16.5%	10.7%
POW	Điện	9.3	5.8%	0.6	948	1.8	1,028	9.1	0.8	11.2%	9.4%
NT2	Điện	21.0	3.7%	0.6	262	0.2	2,685	7.8	1.3	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.3	4.3%	0.8	271	1.5	1,880	7.0	0.7	20.6%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.2	0.4%	0.9	1,179	0.0	2,332	11.2	1.9	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	75.80	6.91	4.66	2.56MLN
VNM	109.90	6.29	3.21	1.39MLN
BID	37.85	6.47	2.63	1.19MLN
GAS	67.80	5.94	2.07	683540.00
VCB	78.50	1.95	1.58	910690.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.22	334050.00	1.11MLN
PGD	-0.01	-0.05	26310.00	607060.00
SGR	-0.01	-0.02	12110.00	373600.00
DTL	-0.01	-0.01	120.00	192700.00
SC5	-0.02	-0.01	1430.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSG	10.40	7.00	0.09	15.11MLN
DGW	40.55	6.99	0.03	538130.00
QBS	1.99	6.99	0.00	184970.00
VTB	9.95	6.99	0.00	520.00
BFC	11.50	6.98	0.01	238410.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SC5	17.65	-15.55	-0.01	1430.00
TCO	8.53	-6.98	0.00	10.00
DAH	6.81	-6.97	-0.01	4.18MLN
SGR	18.70	-6.97	-0.02	12110.00
PGD	27.65	-6.90	-0.05	26310.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.90	5.05	1.75	2.60MLN
SHB	11.20	9.80	1.50	2.00MLN
VCS	58.40	9.98	0.17	267300.00
SHS	10.30	9.57	0.13	2.99MLN
PVS	11.30	4.63	0.12	4.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
S99	15.90	-1.85	-0.01	546400.00
RCL	19.40	-9.77	-0.01	1000.00
API	8.10	-10.00	-0.01	100.00
MAS	27.50	-9.84	-0.01	2900.00
BTS	4.50	-10.00	-0.01	18600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

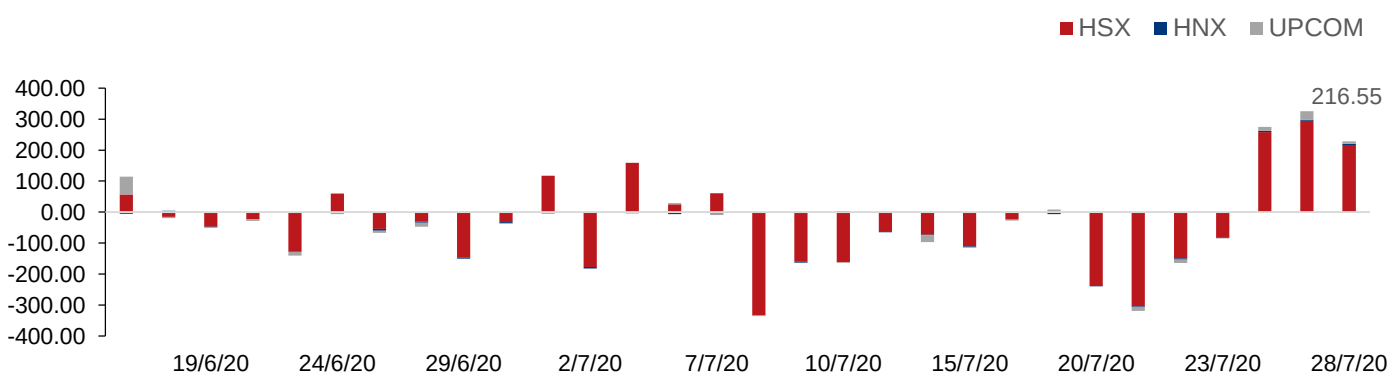
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.00	11.1	0.00	1200.00
KVC	1.00	11.1	0.01	838400.00
AMV	15.40	10.0	0.05	603500.00
APP	3.30	10.0	0.00	200.00
ART	2.20	10.0	0.02	2.10MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.60	-14.29	0.00	297900.00
API	8.10	-10.00	-0.01	100.00
BTS	4.50	-10.00	-0.01	18600.00
MCC	12.70	-9.93	0.00	100.00
VTL	22.70	-9.92	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.6	3,321	7.7	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	20.7	4,126	5.0	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	48.7	9,642	5.1	1.4	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	50.5	3,961	12.7	1.4	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	37.6	5,365	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.4	1,767	5.9	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.5	5,479	7.8	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	23.1	1,902	12.1	1.9	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.4	3,158	8.7	1.4	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	18.8	3,103	6.0	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	54.0	4,629	11.7	2.6	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	129.8	5,718	22.7	8.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.1	1,672	5.5	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.3	1,496	9.6	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	17.9	7,637	2.3	0.8	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	20.8	5,311	3.9	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	40.6	4,761	8.5	1.7	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	78.5	4,915	16.0	3.3	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.9	3,750	6.1	1.2	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.4	6,553	5.4	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	51.5	5,877	8.8	2.4	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	45.7	4,804	9.5	2.1	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	18.4	1,583	11.6	0.9	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.3	1,880	7.0	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	180.0	6,719	26.8	6.7	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	23.7	1,780	13.3	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	109.9	5,453	20.2	6.4	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.5	1,781	6.5	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	76.0	8,808	8.6	2.6	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.6	2,048	7.6	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	92.0	5,044	18.2	3.8	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.6	2,117	4.5	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	54.0	4,629	11.7	2.6	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	30.3	4,313	7.0	1.4	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	198.0	14,782	13.4	5.5	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	9.4	0	13.5	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	10.3	1,671	6.2	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.4	2,268	7.7	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.1	-218	#N/A	2.7	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	30.3	2,986	10.1	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KPTL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiep

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn